**Số: 5921708**

| | Kia K3 1.6 Turbo | Mazda CX-30 2.0L Luxury |
|---|---|---|
| **Giá niêm yết:** | **649.000.000đ** | **699.000.000đ** |
| **KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:** | | |
| Kích thước tổng thể (mm) | 4640 x 1800 x 1450 | 4395 x 1795 x 1540 |
| Chiều dài cơ sở (mm) | 2700 | 2655 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm) | 5300 | 5300 |
| Khoảng sáng gầm xe (mm) | 150 | 175 |
| Khối lượng không tải (kg) | n/a | 1441 |
| Khối lượng toàn tải (kg) | n/a | 1936 |
| Thể tích khoang hành lý (L) | 520 | 430 |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L) | 50 | 51 |
| Số chỗ ngồi | 5 | 5 |
| Nguồn gốc | SX-LR trong nước | Nhập Khẩu |
| **DẪN ĐỘNG - KHUNG GẦM:** | | |
| Loại động cơ | 1.6 TURBO GAMMA | Skyactiv-G 2.0L |
| Dung tích xi lanh (cc) | 1591 | 1998 |
| Công suất cực đại (hp @ rpm) | 201 / 6000 | 153 / 6000 |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm) | 265 / (1500 - 4500) | 200 / 4000 |
| Hộp số | 7DCT | 6AT |
| Hệ thống dẫn động | Cầu trước (FWD) | Cầu trước (FWD) |
| Hệ thống treo trước | Mc Pherson | Độc lập Mc Pherson |
| Hệ thống treo sau | Liên kết đa điểm | Thanh xoắn |
| Hệ thống phanh trước | Đĩa | Đĩa |
| Hệ thống phanh sau | Đĩa | Đĩa |
| Thông số lốp xe | 225/45 R17 | 215/55 R18 |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km) | 8.9 | 10.53 |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.3 | 6.63 |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km) | 6.6 | 8.07 |
| Chế độ lái | Eco/Comfort/Sport/Smart | Normal/Sport |
| **NGOẠI THẤT:** | | |
| Cụm đèn trước | LED | LED |
| Đèn trước tự động bật/tắt | ● | ● |
| Đèn ban ngày LED | ● | ● |
| Đèn sương mù | LED | |
| Cụm đèn sau | LED | LED |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | ● | ● |
| Cửa sổ trời | ● | |
| **NỘI THẤT - TIỆN NGHI:** | | |
| Vô lăng bọc da | ● | ● |
| Chất liệu ghế | Da | Da |
| Ghế người lái chỉnh điện | ● | ● |
| Ghế người lái có nhớ vị trí | ● | ● |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | ● | ● |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát | ● | |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi | ● | |
| Kính cửa sổ chỉnh điện | ● | ● |

| | | |
|---|---|---|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin | LCD 4.2'' | Analog & Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm | 10.25'' | 8.8 |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ● | ● |
| Hệ thống điều hòa tự động | ● | ● |
| Số vùng khí hậu điều hòa | 2 | 2 |
| Cửa gió cho hàng ghế sau | ● | ● |
| Chìa khóa thông minh | ● | ● |
| Khởi động nút bấm | ● | ● |
| Khởi động từ xa | ● | |
| Hệ thống âm thanh | 6 Loa | 8 loa |
| Lẫy chuyển số | ● | ● |
| Sạc không dây Qi | ● | |
| **AN TOÀN:** | | |
| Số túi khí | 6 | 7 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS | ● | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD | ● | ● |
| Hệ thống cân bằng điện tử | ● | ● |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ● | ● |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm | ● | ● |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe | Trước & Sau | Sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù | ● | |
| Hệ thống điều khiển hành trình | ● | Cruise control |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp | ● | |
| Camera lùi | ● | ● |